

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2018

"V/v thay đổi người nuôi con "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Lan Phương - Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện Nam Sách;
2. Bà Trần Thị Liên - Giáo viên nghỉ hưu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở, TAND huyện Nam Sách mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2018, về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 05 ngày 29/5/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981;

ĐKHKT: Khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở: Khu Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị B - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách;

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh 1954;

3. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1983;

Đều có địa chỉ: Khu Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Đều vắng mặt.

4. Ông Phạm Văn Y, sinh năm 1953; có mặt.

5. Bà Đặng Thị V, sinh năm 1956; vắng mặt;

Đều có địa chỉ: Khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

6. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2018 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn Q trình bày: Ngày 29/4/2016, tại quyết định số 60/2016/QĐST-HNGĐ, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị N và công nhận sự thỏa thuận về việc giao cho chị N nuôi dưỡng cả 03 con chung là Phạm Minh N1, sinh ngày 05/12/2008, Phạm Nhật M, sinh ngày 06/9/2012 và Phạm Minh N2, sinh ngày 11/8/2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị N tự nguyện không yêu cầu và được quyền thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Sau khi ly hôn, chị N đi làm cả ngày, không có thời gian chăm sóc, giáo dục con chung, điều kiện ăn ở không đảm bảo, thu nhập thấp. Ngoài ra, cháu N1 học tập và giao tiếp kém. Chị N không đóng tiền học đầy đủ cho cháu M.

Anh Q xác định hiện nay là công chức nhà nước, mức thu nhập ổn định là 6.247.000đ/tháng. Anh đang sống cùng bố mẹ và vợ mới, điều kiện chỗ ăn ở, sinh hoạt của anh Q thuận lợi hơn chị N. Hiện nay, anh chưa có con với vợ mới. Bố mẹ và vợ anh đều có nguyện vọng và đề nghị Tòa án giao cho anh Q nuôi cháu N1 và cháu

M, cam kết tạo điều kiện cho anh Q thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con của anh Q. Vì vậy, anh Q đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng đối với cháu N1 và cháu M từ chị N sang anh Q.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N có lời khai xác định: Chị đã nhận được các Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập của Tòa án. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Q nên không đến Tòa án để làm việc. Chị N từ chối tham gia hòa giải, xét xử vụ án. Chị N khẳng định đang sống cùng 03 con tại nhà bố đẻ chị là ông Nguyễn Văn T1 ở khu Q, thị trấn N. Hiện nay, chị đang làm công nhân tại công ty sản xuất mũ với mức thu nhập từ 4-6 triệu đồng/tháng, sáng đi làm lúc 07 giờ 30 phút, trưa ăn ca tại công ty, chiều 17 giờ 30 phút về nhà, việc đưa các con đi học do chị và ông T1 đưa đón. Chị N xác định việc một mình nuôi dạy, chăm sóc cả 03 con tuy có vất vả nhưng sẽ cố gắng. Trong khi đó, anh Q không có điều kiện chăm sóc các con vì mới cưới vợ khác, còn mãi chơi, từ khi ly hôn đến nay không quan tâm đến các con.

Lời khai của cháu Phạm Minh N thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị Nguyễn Thị N.

Ông Nguyễn Văn T1 (bố đẻ chị N), chị Nguyễn Thị T2 (em gái chị N) có lời khai xác định: Chị N cùng 03 con hiện sống chung nhà với ông T1, vợ chồng con chị T2, tổng số gồm 09 người. Chị N đi làm công nhân tại công ty sản xuất mũ với mức thu nhập từ 4-6 triệu đồng/tháng, việc đưa các con đi học do chị T2 và ông T1 đưa đón. Sau khi ly hôn, chị N đi làm cả ngày, thu nhập không cao, việc nuôi dưỡng, chăm sóc cũng như điều kiện ăn ở sinh hoạt của các con chị N không đảm bảo.

Ông Phạm Văn Y và bà Đặng Thị V (bố mẹ đẻ anh Q), chị Hoàng Thị H (vợ mới của anh Q) đề nghị Tòa án giao cháu N1 và cháu M cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Y, bà V và chị H cam kết giúp đỡ anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc và tạo điều kiện tốt nhất cho anh Q nuôi dưỡng con.

Xác minh tại Công an và Hội phụ nữ thị trấn N thể hiện: Từ khi chị N và anh Q ly hôn năm 2016 đến nay, 04 mẹ con chị N đã chuyển chỗ ở 03 lần, việc một mình chị N nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con gặp rất nhiều khó khăn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện để các con chị N anh Q được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nhất.

Xác minh tại Trường mầm non thị trấn N xác định: Cháu Phạm Nhật M còn nợ số tiền ăn và các khoản khác là 1.000.000đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Q rút yêu cầu khởi kiện đối với việc nuôi cháu Phạm Minh N1, chỉ xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Nhật M. Chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Minh N1 và Phạm Minh N2, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Ông Y giữ nguyên quan điểm đã trình bày, đề nghị giao cho anh Q nuôi dưỡng cháu Phạm Nhật M và cam kết tạo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu M chu đáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách xác định: Quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, việc Tòa án xét xử vắng mặt chị N là đúng quy định. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 28, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật phí và lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn Q. Giao cháu Phạm Nhật M, sinh ngày 06/9/2012 cho anh Phạm Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải chịu án phí dân sự là 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi ly hôn, chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung là Phạm Minh N1, sinh ngày 05/12/2008, Phạm Nhật M, sinh ngày 06/9/2012 và Phạm Minh N2, sinh ngày 11/8/2014. Hiện nay chị N và các con đang sống nhờ trên nhà đất của bố đẻ chị là ông Nguyễn Văn T1, điều kiện ở và sinh hoạt chật chội với tổng số 09 người. Trước đó, chị N thuê nhà để ở và đã 02 lần chuyển nhà. Chị N làm công nhân mức thu nhập trung bình mức 4-6 triệu đồng/tháng. Hàng ngày, chị N đi làm từ 07 giờ 30 phút sáng đến 17 giờ 30 phút về nên điều kiện đưa đón, chăm sóc 03 con gặp khó khăn. Trong khi đó, anh Q là công chức, mức thu nhập ổn định là 6.247.000đ/tháng. Anh Q sống cùng bố mẹ và vợ mới nhưng họ đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cho anh Q nuôi cháu M và cam kết tạo điều kiện cho anh Q thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy, với điều kiện ăn ở, thời gian chăm sóc con chung, cũng như việc làm và thu nhập của chị N không đảm bảo trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, giao cháu M cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81, điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Đối với cháu N đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng muốn ở với chị N. Tại phiên tòa, anh Q rút yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, xét thấy ý kiến của anh Q là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N1 và cháu N2 theo Quyết định số 60/2016/QĐST-HNGĐ, ngày 29/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo Quyết định thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự năm 2016, chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Nay anh Q thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu

cầu của anh Q được chấp nhận nên anh Q được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật phí và lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn Q.

Giao cháu Phạm Nhật M, sinh ngày 06/9/2012 cho anh Phạm Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2) Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Văn Q không phải chịu án phí và được hoàn lại 300.000đ án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002498 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn